**Phân tích bài thơ Bếp lửa học sinh giỏi**

Hẳn ai cũng có một quá khứ bên người thân, gia đình. Trong thời kỳ đất nước chống giặc ngoại xâm, biết bao người đã rời khỏi gia đình để nhập ngũ, dốc sức vì đất nước. Nhà thơ Bằng Việt cũng có một tuổi thơ mà bố mẹ ông đều đi đánh giặc. Một mình sống với bà nhưng ông không hề cảm thấy cô đơn mà còn rất tự hào và vui sướng vì được sống bên bà. Ông đã sáng tác nên bài thơ “Bếp lửa” để nói lên tình cảm của ông giành cho bà cũng như khẳng định rằng bếp lửa không chỉ làm ấm tình cảm bà cháu mà còn sưởi ấm một đời người.

“Một bếp lửa chờn vờn sương sớm.

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”

Ngay ba câu thơ đầu, điệp ngữ “một bếp lửa” đã đi liền với các từ láy chờn vờn, ấp iu… gợi cho ta cái cảm giác ấm áp với tình cảm chứa chan. Và ngay lập tức, hình ảnh người bà đã hiện lên. Ở đây, bà không hiện lên như một bà tiên mà hiện lên trong trái tim của người cháu nhớ về người bà gian nan. Từ hồi ức dần dần trở về dưới những dòng thơ của tác giả:

“Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói

Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi

Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy

Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu

Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay”

Trong tình cảnh nạn đói của đất nước, gia đình tác giả cũng không phải là ngoại lệ. Bố ông còn con ngựa để đi đánh xe là may mắn lắm. Nhưng cái không khí nghèo túng của toàn xã hội đã bao phủ tất cả. Gần hai mươi năm sau, khói vẫn làm cay mắt tác giả. Cái “cay” này không phải là cái “cay” do củi ướt, củi tươi mà cái cay đắng cuả những kỉ niệm đói khổ của nhiều người, trong đó có hai bà cháu tác giả.

“Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa

Tu hú kêu trên những cánh đồng xa

Khi tu hú kêu bà còn nhớ không bà

Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế

Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế”

“Cháu cùng bà nhóm lửa”, nhóm lên ngọn lửa của sự sống và của tình yêu bà cháy bỏng của một cậu bé hồn nhiên, trong trắng như một trang giấy.Chính hình ảnh bếp lửa quê hương, bếp lửa của tình bà cháu đó đã gợi nên một liên tưởng khác, một hồi ức khác trong tâm trí thi sĩ thuở nhỏ. Đó là tiếng chim tu hú kêu. Tiếng tu hú kêu như giục giã lúa mau chín, người nông dân mau thoát khỏi cái đói, và dường như đó cũng là một chiếc đồng hồ của đứa cháu để nhắc bà rằng: “Bà ơi, đến giờ bà kể chuyện cho cháu nghe rồi đấy!”. Từ “tu hú” được điệp lại ba lấn làm cho âm điệu cấu thơ thêm bồi hồi tha thiết, làm cho người đọc cảm thấy như tiếng tu hú đang từ xa vọng về trong tiềm thức của tác giả.Tiếng “tu hú” lúc mơ hà, lúc văng vẳng từ những cánh đồng xa lâng lâng lòng người cháu xa xứ. Tiếng chim tu hú khắc khoải làm cho dòng kỉ niệm của đứa cháu trải dài hơ, rộng hơn trong cái không gian xa thẳng của nỗi nhớ thương.

“Mẹ cùng cha công tác bận không về

Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe

Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học

Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc

Tu hú ơi, chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa!”

Qua đoạn thơ này ta thấy hiện lên một căn nhà quạnh quẽ giữa đồng, chỉ hẩm hút có một già một trẻ. Đứa trẻ thì “ăn chưa no, lo chưa tới”, còn bà thì ốm yếu hom hem. Bà phải xoay sở nuôi thân mình và nuôi cả cháu. Vậy mà bà còn “bảo cháu làm, chăm cháu học” bên cạnh cái bếp lửa. Hình ảnh bếp lửa ở đây không ghi dấu đắng cay nữa mà đó là hình ảnh của một căn nhà ấm áp, nương náu để hai bà cháu sinh sống.

Trong tám năm ấy, đất nước có chiến tranh, hai bà cháu phải rời làng đi tản cư, bố mẹ phải đi công tác, cháu vì thế phải ở cùng bà trong quãng thời gian ấy, nhưng dường như đối với đứa cháu như thế lại là một niềm hạnh phúc vô bờ.? cùng bà, ngày nào cháu cũng cùng bà nhóm bếp. Và trong cái khói bếp chập chờn, mờ mờ ảo ảo ấy, người bà như một bà tiên hiện ra trong câu truyện cổ huyền ảo của cháu. Nếu như đối với mỗi chúng ta, cha sẽ là cánh chim để nâng ước mơ của con vào một khung trời mới, mẹ sẽ là cành hoa tươi thắm nhất để con cài lên ngực áo thì đối với Bằng Việt, người bà vừa là cha, vừa là mẹ, vừa là cách chim, là một cành hoa của riêng ông. Cho nên, tình bà cháu là vô cùng thiêng liêng và quý giá đối với ông. Trong những tháng năm sống bên cạnh bà, bà không chỉ chăm lo cho cháu từng miếng ăn, giấc ngủ mà còn là người thầy đầu tiên của cháu. Bà dạy cho cháu những chữ cái, những phép tính đầu tiên. Không chỉ thế, bà còn dạy cháu những bài học quý giá về cách sống, đạo làm người. Nững bài học đó sẽ là hành trang mang theo suốt quãng đời còn lại của cháu. Người bà và tình cảm mà bà dành cho cháu đã thất sự một chỗ dựa vững chắc về cả vật chất lẫn tinh thần cho đứa cháu bé bỏng. Cho nên khi bây giờ nghĩ về bà, nhà thơ càng thương bà hơn vì cháu đã đi rồi, bà sẽ ở với ai, ai sẽ người cùng bà nhóm lửa, ai sẽ cùng bà chia sẻ những câu chuyện những ngày ở Huế,… Nhà thơ bổng tự hỏi lòng mình: “Tu hú ơi, chẳng đến ở cùng bà?”. Một lời than thở thể hiện nỗi nhớ mong bà sâu sắc của đứa cháu nơi xứ ngươi. Chỉ trong một khổ thơ mà hai từ “bà”, “cháu” đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lấn gợi lên hình ảnh hai bà cháu sóng đôi, gắn bó, quấn quýt không rời.

Chiến tranh, một danh từ bình thường nhưng sức lột tả của nó thì khốc liệt vô cùng, nó đã gây ra đau khổ cho bao người, bao nhà. Và hai bà cháu trong bài thơ cũng trở thành một nạn nhân của chiến tranh: gia đình bị chia cắt, nhà bị giặc đốt cháy rụi…
“Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi

Hàng xóm bốn bên trở vế lầm lụi

Đỡ đần bà dựng lại túp lếu tranh

Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh:

“Bố ở chiến khu bố còn việc bố

Mày viết thư chớ kể này kể nọ

Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”

Cuộc sống càng khó khăn, cảnh ngộ càng ngặt nghèo, nghị lực của bà càng bền vững, tấm lòng của bà càng mênh mông. Qua đó, ta thấy hiện lên một người bà cần cù, nhẫn nại và giàu đức hi sinh. Dù cho ngôi nhà, túp lều tranh của hai bà cháu đã bị đốt nhẵn, nơi nương thân của hai bà cháu nay đã không còn, bà dù có đau khổ thế nào cũng không dám nói ra vì sợ làm đứa cháu bé bong của mình lo buồn. Bà cứng rắn, dắt cháu vượt qua mọi khó khăn, bà không đứa con đang bận việc nước phải lo lắng chuyện nhà. Điều đó ta có thể thấy rõ qua lới dặn của bà: “Mày có viết thư chớ kể này kể nọ. “Cứ bảo nhà vẫn đươc bình yên!”. Lới dăn của bà nôm na giản dị nhưng chất chứa biết bao tình. Gian khổ, thiếu thốn, bao nỗi nhớ thương con bà đều phải nén vào trong lòng để yên lòng người nơi tiền tuyến. Hình ảnh người bà không chỉ còn là người bà của riêng cháu mà còn là một biểu tượng rõ nét cho những người phụ nữa Việt Nam giàu đức hi sinh, thương con qúy cháu.

Kết thúc khổ thơ, Bằng Việt đã nâng hình ảnh bếp lửa trở thành hình ảnh ngọn, một ngọn lửa:

“Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn,

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng”.

Hình ảnh ngọn lửa toả sáng trong câu thơ, nó có sức truyền cảm mạnh mẽ. Ngọn lửa của tình yên thương, ngọn lửa của niềm tin, ngọn lửa ấm nồng như tình bà cháu, ngọn lửa đỏ hồng si sáng cho con đường đứa cháu. Bà luôn nhắc cháu rằng: nơi nào có ngọn lửa, nơi đó có bà, bà sẽ luôn ở cạnh cháu.

Những dòng thơ cuối bài cũng chính là những suy ngẫm về bà và bếp lửa mà nhà thớ muốn gửi tới bạn đọc, qua đó cũng là những bài học sâu sắc từ công việc nhỏ, lửa tưởng chừng đơn giản:

“Nhóm bếp lửa ấp iu, nồng đượm”

Một lấn nữa, hình ảnh bếp lửa “ ấp iu”, “nồng đượm” đã được nhắc lại ở cuối bài thơ như một lần nữa khẳng định lại cái tình cảm sâu sắc của hai bà cháu.

“Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi”

Nhóm lên bếp lửa ấy, người bà đã truyền cho đứa cháu một tình yêu thương những người ruột thịt và nhắc cháu rằng không bao giờ được quên đi những năm tháng nghĩ tình, những năm tháng khó khăn mà hai bà cháu đã sống vơi nhau, những năm tháng mà hai bà cháu mình cùng chia nhau từng củ sắn, củ mì.

“Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui”

“Nồi xôi gạo mới sẻ chung vui” của bà hay là lời răng dạy cháu luôn phải mở lòng ra với mọi người xung quanh, phải gắn bó với xóm làng, đừng bao giờ có một lối sống ích kỉ.
“Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”.

Bà không chỉ là người chăm lo cho cháu đấy đủ về vật chất mà còn là người làm cho tuổi thơ của cháu thêm đẹp, thêm huyền ảo như trong truyện. Người bà có trái tim nhân hậu, người bà kì diệu đã nhóm dậy, khơi dậy, giáo dục và thức tỉnh tâm hồn đứa cháu để mai này cháu khôn lớn thành người. Người bà kì diệu như vậy ấy, rất giản dị nhưng có một sức mạnh kì diệu tứ trái tim, ta có thể bắt gặp người bà như vậy trong “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh:

“Tiếng gà trưa

Mang bao nhiêu hạnh phúc

Đêm cháu về nằm mơ

Giấc ngủ hồng sắc trứng.”

Suốt dọc bài thơ, mười lần xuất hiện hình ảnh bếp lửa là mười lần tác giả nhắc tới bà.Âm điệu những dòng thơ nhanh mạnh như tình cảm dâng trào lớp lớp sóng vỗ vào bãi biển xanh thẳm lòng bà. Người bà đã là, đang là và sẽ mãi mãi là người quan trọng nhất đối với cháu dù ở bất kì phương trời nào. Bà đã trờ thành một người không thể thiếu trong trái tim cháu.

Giờ đây, khi đang ở xa bà nửa vòng trái đất, nhà thơ Bằng Việt vẫn luôn hướng lòng mình về bà:

“Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu

Có lưả trăm nhà, niềm vui trăm ngả

Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở

Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”

Xa vòng tay chăm chút của bà để đến vớí chân trờì mới, chính tình cảm của hai bà cháu đã sưởi ấm lòng tác giả trong cái mùa đông lạnh giá của nước Nga. Đứa cháu nhỏ của bà ngày xưa giờ đã trưởng thành nhưng trong lòng vần luôn đinh ninh nhớ về góc bếp, nới nắng mưa hai bà cháu có nhau. Đứa cháu sẽ không bao giờ quên và chẳng thể nào quên được vì đó chính là nguồn cội, là nơi mà tuổi thơ của đứa cháu đã được nuôi dưỡng để lớn lên từ đó.

Qua bài thơ, bạn sẽ hình dung thấy ngay hình ảnh bếp lửa hồng và dáng người bà lặng lẽ ngồi bên. Bếp lửa là hình ảnh đẹp nhằm gợi tả sự ấm áp của gia đình đối với mỗi người. Bài thơ “Bếp lửa” sẽ sống mãi trong lòng bạn đọc nhờ sức truyền cảm sâu sắc của nó. Bài thơ đã khơi dậy trong lòng chúng ta một tình cảm cao đẹp đối với gia đình, với những người đã tô màu lên tuổi thơ trong sáng của ta.TÌNH NGƯỜI TRONG BẾP LỬA Có lẽ khi nhắc về quá khứ, nhất là những thời điểm đẹp đẽ, người ta vẫn thường kể nhiều hơn. Với “Bếp lửa” nhà thơ Bằng Việt thực đã dắt dẫn người đọc vào sâu trong mạch kể, mạch hồi tưởng của ông. Hồi ức đẹp một đi không trở lại của tuổi thơ được tái hiện không phải bằng một trí nhớ lan man, chắp vá. Trái lại, ở sâu trong tiềm thức của tác giả, hình ảnh “Bếp lửa” và “người bà” lúc nào cũng tỏ sáng lạ kì – trở thành một điểm đi về trong cõi nhớ. Dòng suy tưởng và hoài niệm của người cháu xa quê nhà có lẽ đều được khởi nguồn từ những hình ảnh đầy giản dị mà thân thương, ấm áp vô cùng.

Việc đồng hiện lên hình ảnh “Bếp lửa” và “bà” trong bài thơ thật dễ khiến cho người ta có một sự liên tưởng về mối quan hệ lạ kì, thiêng liêng. Từ bếp lửa của củi rơm đến “Bếp lửa” của lòng người có lẽ hơn bao giờ hết con người cảm nhận thật rõ về tình bà cháu, tình quê nồng ấm.

Một bếp lửa chờn vờn sương sớm

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa

Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói

Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi

Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy

Chỉ nhớ khói hum nhèm mắt cháu

Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay.

Cái “nỗi nhớ về bếp lửa” được nói trực tiếp song không vì thế mà giảm đi phần sâu lắng, tinh tế. Hình ảnh “Bếp lửa” gợi nhớ bằng nhiều giác quan bằng trí tưởng tượng. Thị giác (chờn vờn sương sớm), cảm giác (ấp iu nồng đượm) và khướu giác (sống mũi còn cay) rồi xúc giác (hun nhèm mắt cháu). Tác giả hướng mọi giác quan để quay về sống lại kỉ niệm trong trí tưởng tượng. Dường như không còn cảm giác khoảng cách của thời gian ở đây nữa, mọi hình ảnh gắn với bếp lửa đã tái hiện chân thật, rõ ràng từ một thời kí ức xa xôi ! Hình ảnh bếp lửa còn gắn với người bà đầy thân thương. Tuy không trực tiếp nói ra song người đọc hình dung được công việc của người bà : “nhóm bếp”. Tuổi thơ của cháu gắn với bếp lửa, với mùi khói cay nhèm và cũng gắn chặt với bà. Phải chăng hình ảnh: “Một bếp lửa ấp iu nồng đượm” chính là hoá thân của tình cảm bà dành cho cháu. Vì vậy có lẽ tìm về với bếp lửa quê nhà cũng chính là tìm về tuổi thơ sống bên bà dành cho cháu. Sự tương đồng đẹp đẽ ấy dễ thường mấy ai nhận ra. Chỉ có Bằng Việt với khoảng cách thời gian đầu đời trong sáng được gắn bó bên bà mới có thể “cảm” sâu sắc đến thế, cái tưởng chừng quá bình dị, mộc mạc. Đắm mình trong dòng hồi ức tươi mát của tác giả, chúng ta muốn tìm đến với những tình thương yêu nồng hậu như thế.

“Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế…

Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe

Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học

Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”.

Cái ấm áp của “Bếp lửa” và “tình người” trong sự tương đồng, ta đã biết.

Đằng sau đó dường như còn có một sự tương đồng nữa. Bếp lửa và người bà đều là những gì gắn bó, thân thương nhất với kỉ niệm của cháu. Nếu “Bếp lửa củi rơm” gắn với cảm nhận “mùi khói”, với kỉ niệm “khói hun nhèm mắt cháu”, với dư vị “sống mũi còn cay” thì người bà gắn với tuổi thơ cháu vừa như một người biết chăm sóc, vừa như một người bạn lớn. Những kí ức như ùa vào trong tâm tưởng cháu. Đó là từ năm : “lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói”, lại cả những năm “đói mòn đói mỏi”, những lúc bà hay kể chuyện những ngày ở Huế những khi “giặc đốt nhà cháy tàn, cháy trụi”… Từ lúc nào tuổi thơ nhỏ bé của cháu đã được truyền hơi ấm từ bếp lửa, từ bà ! Một điều không thể ngẫu nhiên là : mỗi khi nhắc về bếp lửa thì lại thấy xuất hiện người bà và mỗi khi xuất hiện người bà lại thấy công việc của bà xoay quanh bếp lửa.

Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc.

Không nói mà tình cảm vẫn dạt dào, không hô hào, bồng bột mà người ta vẫn không thể làm ngơ trước sự chân thành. Đó có lẽ là những gì Bằng Việt đã làm khi dựng lên hình ảnh song song mà hoà hợp với nhau giữa “Bếp lửa” và “người bà”. Trong kỉ niệm, trong cảm xúc của mỗi nỗi nhớ, lí trí đã nhường chỗ cho tình cảm và cái rõ ràng, minh bạch đã nhoè đi để được thêm những cái mơ màng, chập chờn của hồi ức. Hình ảnh bà và bếp lửa qua tâm trạng ấy đã đồng nhất, hoà quyện với nhau. Tuy một mà hai tuy hai mà một để chỉ còn hiện lên trong tâm tưởng người cháu của một cái gì thật ấp iu, nồng đượm.
Hình ảnh bếp lửa trong bài thơ xét cho kĩ thì chính là điểm gợi hứng, là cầu nối để đứa cháu phương xa ngàn dặm gửi tình thương nỗi nhớ về bà, về quê hương. Nhưng qua dòng hồi tưởng nhẹ nhàng tươi mát của cháu, bếp lửa của củi rơm kia cũng không còn là bếp lửa bình thường như cái nhìn trước đó. Nó trở thành một hình ảnh cứ trở đi trở lại trong bài thơ, trong tâm trí người cháu và không lần nào cái bếp lửa bình dị ấy không gắn với hình ảnh người bà tảo tần, đầy thân thương. Và vì lẽ đó mà người ta có cảm giác bếp lửa kia chính là tình cảm của người bà đôn hậu.

Nếu có một bếp lửa quê nhà vẫn “chờn vờn sương sớm” thì cũng có một ngọn lửa tình bà “ấp iu nồng đượm”. Có lúc hai thứ lửa ấy cùng tách ra, lại có khi hợp cùng nhau. Khi tách ra nó gợi về những kỉ niệm : kỉ niệm về bếp lửa củi rơm (“khói hun nhèm mắt cháu”, “sống mũi còn cay”) kỉ niệm về bếp lửa tình bà (“Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế”, “bà dạy cháu làm bà chăm cháu học”) Nhưng khi đã hoà hợp với nhau nó trở thành một thứ tình cảm thiêng liêng, kì lạ biết bao trong cái bình dị. Sống mũi còn cay là thực của ngày xưa ngồi cạnh bếp lửa, bên bà và là thực của hôm nay (và chắc là mãi mãi) của tình bà cháu.

“Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới xẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm hồn tuổi nhỏ

Ôi kì lạ và thiêng liêng – Bếp lửa”.

Trong cái hoà quyện tuyệt vời, người ta thấy cái nóng cái đượm của bếp lửa củi rơm cũng như cái nồng cái ấm áp của bếp lửa lòng người. “Bếp lửa” kì lạ, thiêng liêng ấy nhóm “khoai sắn ngọt bùi”, “nồi xôi gạo mới” cũng dành nhóm cả “niềm yêu thương”, “tâm tình tuổi thơ”. Thực là diệu kì. Tại sao nói đoạn thơ trên là một trong những đoạn hay nhất của bài thơ, câu trả lời có lẽ nằm ở cái tình ấm lửa trong đó mà lúc nào cũng được ấp ủ.

“Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng”.

Tình cảm của bà rõ ràng đã được tượng trưng hoá với “ngọn lửa”. Nếu nói “Bếp lửa” e chưa thật trúng, còn nói “ngọn lửa” thì người ta cảm thấy cái linh hồn, tình cảm đã nằm ngay ở đó. Ngọn lửa ấy phải chăng là tâm huyết, nhiệt huyết (chứa niềm tin dai dẳng) phải chăng là tình yêu (lòng bà luôn ủ sẵn). Từ “Bếp lửa” đến “ngọn lửa” có lẽ là hành trình từ cái đơn sơ giản dị đến những cái thiêng liêng cao cả, từ cái thực đến cái linh hồn. Một lần nữa hình ảnh “Bếp lửa” hay “ngọn lửa” đã tiếp tục tôn cao lên tấm lòng chân chất, tình thương giản dị sâu sắc mà đôn hậu của bà. Có thể chấp nhận được chăng khi ta hình dung “Bếp lửa” trong kí ức tuổi thơ của tác giả chính là hiện hữu của một tình yêu nồng nàn, đượm đà bà dành cho cháu ? Cái chính là bà lúc nào cũng ấp ủ một ngọn lửa vô hình song “dai dẳng”, “thiêng liêng” để lúc nào cũng vậy hễ nhắc tới “Bếp lửa” thì tác giả và người đọc luôn cảm thấy có bà trong đó.

Chẳng phải vô tình mà trong suốt bài thơ, hình ảnh “Bếp lửa” cứ ám ảnh tâm trí Bằng Việt như vậy. Không dưới mười lần tác giả nhắc tới hình ảnh đó và lần nào cũng kèm theo sự xuất hiện của bà. Tác giả đang làm cái công việc của người đi so sánh, thí dụ giá trị hai vẻ đẹp “Bếp lửa” và “người bà” chăng ?

Không hẳn như vậy ! Đọc kĩ lại ta thấy Bằng Việt đã làm một mĩ từ pháp có hiệu quả cao nhất: ẩn dụ. Hình ảnh bếp lửa là ẩn dụ của ngọn lửa nồng hậu nơi người bà, và tình cảm người bà chính là ẩn dụ ngọn lửa – một thứ tình yêu cao cả nhất. Ta đã biết “người bà” và “Bếp lửa” là hai giá trị chẳng thể nào tách rời trong hồi ức của tác giả thì lẽ nào tác giả lại đi làm công việc trái ngược nhau : phân tích hai hình ảnh để so sánh ? “Bếp lửa” tượng trưng cho cái đơn sơ, khiêm nhường. Đã bao giờ chúng ta nghĩ về bếp lửa nhà mình như thế này chưa : nó giản dị, đơn sơ (chỉ vài que củi, một ôm rơm, một cái kiềng là thành một bếp lửa). Nó cũng thật khép nép khi thu mình vào trong góc bếp chật chội. Nhưng bếp lửa cũng là một cái gì đó rất ấm áp nồng đượm (những ngày đông lạnh thấu da thấu thịt). Người bà cũng vậy : thật chân chất, mộc mạc, dân dã, quê kiểng song ẩn chứa tình yêu vô bờ, tha thiết, chan chứa. Qua con mắt nhà thơ, bếp lửa và bà bình dị, cao quí, thiêng liêng. Lấy hình ảnh của bếp lửa để nói về tình cảm của bà dành cho mình, thiết tưởng Bằng Việt phải nặng lòng với bà, với quê hương lắm.

Một đứa con xa quê hương, một đứa cháu xa bà luôn luôn thường trực trong nỗi nhớ về “Bếp lửa” – về tình yêu ấm nồng tưởng như cái lạnh cái cô đơn ở quê người cũng đôi chút vợi đi vậy. Nhưng nhớ về cái “Bếp lửa” phải chăng cũng đồng nghĩa với việc nhớ quê nhà, nhớ về bà đồng nghĩa với việc nhớ về tổ ấm gia đình với niềm vui sum họp.

“Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu

Có lửa trăm nhà. Niềm vui trăm ngã

Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở

Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?…”

Trong tình cảm của bà có tình cảm của đất nước, tác giả nhớ đến tình bà cũng là nhớ đến đất nước quê hương. Có người từng nói: “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc” Nói như vậy có nghĩa là tình cảm của bà trở nên lòng yêu Tổ quốc là một ẩn dụ của tình cảm của đất nước dành cho những người xa quê. Hành trình từ “Bếp lửa” đến “Bếp lửa” là hành trình của giọt nước hoà vào suối và đổ ra sông… Càng ngày càng thiêng liêng, cao cả. “Bếp lửa” là một dòng hồi tưởng “chờn vờn”, “nồng đượm”, rực sáng mãi không thôi trong lòng những người dù chỉ đến với nó một lần. Làm sao chúng ta sống lại tuổi ấu thơ cảm động bên người bà yêu dấu với tình thương bao la, sâu đậm ở một miền quê còn nhiều đau khổ. Một ngọn lửa mãnh liệt như vậy liệu có bao giờ vụt tắt được chăng?